

Tăng cường phân tích báo cáo tài chính khi thực hiện cơ chế tự khai tự nộp thuế

II NGUYỄN BÁ PHÚ



Hiện nay chúng ta đã và đang thực hiện cơ chế quản lý thuế mới: Người nộp thuế tự khai, tự nộp thuế với chủ trương là tăng cường tính chủ động, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật trong thực hiện nghĩa vụ thuế của các tổ chức, cá nhân. Đầu tiên, cơ chế này được thực hiện thí điểm vào những năm 2002, 2003; sau khi Luật Quản lý thuế 2006 ra đời thì cơ chế này được áp dụng rộng rãi. Đây là bước cải cách quản lý thuế theo hướng hiện đại, tiến bộ. Đặc biệt, cơ quan thuế trong kiểm tra, thanh tra chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo qui trình thống nhất, việc chuyển mạnh sang kỹ năng phân tích rủi ro trên cơ sở hệ thống dữ liệu tập hợp được để chọn và quyết định các đối tượng kiểm tra, thanh tra cũng như nội dung, thời điểm, thời kỳ kiểm tra, thanh tra thuế là một trong những điểm rất mới và có tính đột phá. Ngành thuế đã

thay đổi phương thức quản lý thuế mới phù hợp theo hướng hạn chế tối đa việc tiếp xúc trực tiếp với đối tượng nộp thuế nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả quản lý và chống thất thu. Một trong những kỹ năng có liên quan mà cán bộ quản lý thuế phải trau dồi và nâng cao hơn nữa là việc phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Bài viết này xin được bàn về vấn đề đó.

Tổng quan về báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính

Có thể khẳng định rằng, ngày nay kế toán đã trở thành một công cụ đắc lực nhất cho các nhà quản trị doanh nghiệp, đồng thời nó là căn cứ quan trọng cho việc đánh giá và điều chỉnh hoạt động doanh nghiệp của cơ quan quản lý chức năng theo các yêu cầu cụ thể. Sản phẩm cuối cùng của quá trình kế toán là hệ thống báo cáo kế toán của doanh nghiệp.

Hệ thống báo cáo kế toán được hình thành dựa trên cơ sở tổng hợp những số liệu từ các sổ kế toán theo các chỉ tiêu kinh tế - tài chính của doanh nghiệp. Báo cáo kế toán của doanh nghiệp phản ánh tình hình tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm nhất định, phản ánh kết quả kinh doanh và tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Bởi vậy, hệ thống Báo cáo kế toán của doanh nghiệp cung cấp cho các đối tượng sử dụng thông tin kế toán về tình hình kinh tế -

Tài chính, về quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó mà người xử lý thông tin có những quyết định hay nhìn nhận đánh giá đúng với thực tế doanh nghiệp.

Hiện có 2 hệ thống kế toán doanh nghiệp: kế toán tài chính và kế toán quản trị. Tương ứng với 2 hệ thống kế toán đó là 2 loại Báo cáo: Báo cáo tài chính và Báo cáo kế toán quản trị. Trong phạm vi cho phép, bài viết này đề cập về báo cáo tài chính doanh nghiệp.

Theo Chuẩn mực kế toán Quốc tế số 01 - ISA 1- thì: “báo cáo tài chính cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động tài chính cũng như lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp và đó là các thông tin có ích cho việc ra các quyết định kinh tế”.

Một hệ thống đầy đủ các báo cáo tài chính bao gồm:

- » Bảng cân đối kế toán;
- » Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- » Báo cáo khác phản ánh:
 - Những thay đổi về vốn chủ sở hữu
 - Những thay đổi của vốn chủ sở hữu ngoài các nghiệp vụ góp vốn và phân chia cho chủ sở hữu.
- » Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- » Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Ngoài ra, chuẩn mực này còn yêu cầu lập báo cáo tài chính giữa niên độ, theo đó, các nhà quản lý trong doanh nghiệp tóm tắt tài chính ngoài các báo cáo tài chính nêu trên, nhằm mô tả và giải

thích các nhân tố ảnh hưởng tới quá trình hoạt động tài chính của doanh nghiệp; nguồn tiền huy động của doanh nghiệp; các chính sách quản lý rủi ro; các điểm mạnh, điểm yếu mà chưa được đề cập trên bảng cân đối kế toán.

Trong hệ thống kế toán Việt Nam, báo cáo tài chính là loại báo cáo kế toán, phản ánh một cách tổng quát, toàn diện tình hình tài sản, nguồn vốn, tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Như vậy báo cáo tài chính không những là tài liệu quan trọng cho doanh nghiệp mà còn là căn cứ quan trọng để qua đó có thể cung cấp thông tin cần thiết cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp như các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm (Cơ quan thuế, tài chính, thống kê...), cơ quan quản lý cấp trên, các nhà đầu tư, các nhà cho doanh nghiệp vay vốn...

Các báo cáo tài chính được lập hàng quý và hàng năm. Nếu thời điểm lập báo cáo mà thay đổi và báo cáo tài chính được lập cho một giai đoạn khác, các doanh nghiệp phải nêu lý do thay đổi và nêu rõ các vấn đề có thể xảy ra khi thay đổi về thời hạn lập này.

Phân tích báo cáo tài chính là quá trình xem xét, kiểm tra, đối chiếu, so sánh số liệu về tài chính trong kỳ hiện tại với các kỳ kinh doanh đã qua. Thông qua việc phân tích báo cáo tài chính sẽ cung cấp cho người sử dụng thông tin các cơ sở để đánh giá tiềm năng, hiệu quả kinh doanh cũng như rủi ro về tài chính trong tương lai của doanh nghiệp. Với cơ quan thuế, quan trọng nhất của việc phân tích báo cáo tài chính là việc đánh giá, tổng hợp được chính xác tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ. Qua đó, đảm bảo cho việc quản lý thuế chính xác, thực hiện nghiêm

Bảng đánh giá tổng quát tình hình tài chính

STT	Chi tiêu	Kỳ gốc	Kỳ phân tích	Kỳ phân tích so với kỳ gốc	
				+	%
1	Tổng số nguồn vốn				
2	Hệ số tài trợ				
3	Hệ số tự tài trợ				
4	Hệ số khả năng thanh toán tổng quát				
5	Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn				
6	Hệ số khả năng thanh toán nhanh				
7	Hệ số khả năng thanh toán của tài sản ngắn hạn				
8	Hệ số khả năng thanh toán của tiền và các khoản tương đương tiền				
9	Tỷ suất đầu tư				
10	Suất sinh lời của vốn chủ sở hữu				

chính Pháp luật hiện hành, góp phần thực hiện công bằng xã hội.

Theo qui định hiện hành của chế độ kế toán Việt Nam (Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính v/v ban hành Chế độ kế toán) thì hệ thống báo cáo tài chính năm đối với các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có qui mô lớn (qui định cụ thể trong quyết định này) bao gồm:

- » Bảng cân đối kế toán (mẫu B01-DN)
- » Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu B02-DN)
- » Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu B03-DN)
- » Bản thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu B09-DN)

Đối với doanh nghiệp có qui mô nhỏ và vừa thì hệ thống báo cáo tài chính bao gồm các báo cáo bắt buộc và không bắt buộc sau (Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

- » Bảng cân đối kế toán (mẫu B01-DNN) - (Bắt buộc)
- » Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu B02-DNN) - (Bắt buộc)
- » Bảng cân đối tài khoản (mẫu F01-DNN) - (Bắt buộc)
- » Bản thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu B09-DNN) - (Bắt buộc)
- » Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(mẫu B03-DNN)- (Không bắt buộc)

Mục tiêu chính của phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp tại cơ quan thuế

Theo qui định hiện hành, báo cáo tài chính của doanh nghiệp được lập và gửi cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp chậm nhất là sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Cơ quan thuế thông qua phân tích báo cáo tài chính phải đạt được các mục tiêu chính sau:

» Tổng hợp nắm bắt được doanh thu, lợi nhuận thực hiện trong kỳ của doanh nghiệp. Qua đó, tổng hợp tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Báo cáo tài chính của doanh nghiệp như là một bức tranh phản ánh toàn bộ tình hình tài chính doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Nếu tinh thông, người phân tích sẽ nhìn thấy nội tại, thấy được cái "chất" của doanh nghiệp này. Trong các chỉ tiêu của báo cáo tài chính, có liên quan đến kết quả kinh doanh thì 2 chỉ tiêu quan trọng là doanh thu và lợi nhuận thực hiện trong kỳ. Đây cũng là 2 chỉ tiêu liên quan nhiều đến xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp. Vì thế không những các chủ doanh

ngành mà cơ quan thuế cũng rất quan tâm nhất đến các chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

» Rút ra tính hợp lý hoặc không hợp lý của các chỉ tiêu báo cáo qua phân tích tổng hợp các chỉ tiêu liên quan trên báo cáo tài chính.

Trong một số trường hợp, doanh nghiệp vì các mục đích khác nhau có thể cố tình làm sai lệch các số liệu phản ánh tình hình thực tế của doanh nghiệp nhằm trốn tránh nghĩa vụ thuế. Chính việc làm sai lệch số liệu của doanh nghiệp sẽ có thể làm “méo mó” báo cáo nộp cho cơ quan thuế, trong nhiều trường hợp qua phân tích báo cáo tài chính, những điểm bất hợp lý đó sẽ được phát hiện ngay (trước hết là về tính logic). Chẳng hạn: báo cáo tài chính doanh nghiệp thể hiện chỉ tiêu tài sản đầu tư hoặc chỉ tiêu tiền vay ngoài trong kỳ tăng nhanh nhưng doanh thu không tăng tương xứng...

» Tham mưu về các quyết định và biện pháp kiểm tra, thanh tra việc chấp hành Pháp luật thuế nhằm đảm bảo xử lý về thuế chính xác, kịp thời. Đây cũng chính là các hướng xử lý “hậu phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp”.

Một số vấn đề cần chú trọng khi phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp

» **Thứ nhất**, liên kết phân tích, tổng hợp các số liệu qua các năm (thường là 3 hoặc 5 năm), đánh giá xu hướng phát triển của doanh nghiệp từ đó nhận xét tổng quát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Chỉ khi phân tích một cách tổng hợp số liệu trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong một thời gian dài nhất định (3 đến 5 năm) thì người phân tích mới đánh giá được toàn diện tình hình phát triển của doanh nghiệp và qua đó mới có cách quản lý phù hợp, chính xác nhất.

» **Thứ hai**, các chỉ tiêu quan trọng trong phân tích báo cáo tài chính là: Doanh thu, vốn vay ngắn hạn, chi phí trả cho người lao động (tiền công, tiền lương), tài sản cố định, lợi nhuận thực hiện...

Cần lưu ý phân tích các chỉ tiêu như sử dụng lao động, tăng tài sản gắn với tăng doanh thu tại doanh nghiệp, chi phí nguyên, nhiên liệu...

» **Thứ ba**, theo chúng tôi, đối với cơ quan thuế, do đặc thù nhiệm vụ được giao thì việc đánh giá khái quát nhanh, chính xác tình hình tài chính và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp là 2 vấn đề rất quan trọng. Điều đó có ý nghĩa không những đảm bảo cách tiếp cận hợp lý cho quản lý thu thuế của kỳ hiện tại doanh nghiệp mà còn có cái nhìn toàn diện về xu hướng phát triển của doanh nghiệp đó, từ đó mà có các giải pháp quản lý “dài hơi” đối với doanh nghiệp.

Phương pháp phân tích được sử dụng để đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp là phương pháp so sánh. Người phân tích sẽ tiến hành so sánh giữa kỳ phân tích với kỳ gốc (so sánh bằng số tuyệt đối và bằng số tương đối giản đơn) trên từng chỉ tiêu phản ánh khái quát tình hình tài chính và dựa vào biến động cũng như ý nghĩa của từng chỉ tiêu để nêu nhận xét. Để phân tích khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp được chính xác, khắc phục được nhược điểm của từng chỉ tiêu đơn lẻ (nếu có), các nhà phân tích cần xem xét đồng thời sự biến động của các chỉ tiêu và liên kết sự biến động của chúng với nhau. Từ đó rút ra nhận xét khái quát về thực trạng và sức mạnh tài chính cũng như an ninh tài chính của doanh nghiệp.

Các chỉ tiêu là căn cứ để đánh giá khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp gồm: Tổng số nguồn vốn, hệ số tài trợ (= vốn chủ sở hữu/Tổng số nguồn vốn),

hệ số tự tài trợ, hệ số khả năng thanh toán tổng quát, hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, hệ số khả năng thanh toán nhanh, tỷ suất đầu tư v.v..

Nội dung quan trọng khác là phân tích hiệu quả kinh doanh. Bản thân hoạt động kinh doanh là một hoạt động kiếm lợi nhuận. Bởi vậy, mối quan tâm thường trực không những của doanh nghiệp, của nhà đầu tư mà của các cơ quan quản lý liên quan là hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận doanh nghiệp thu được. Qua phân tích hiệu quả kinh doanh trên các góc độ khác nhau (sức sản xuất, sức sinh lợi, suất hao phí...) các nhà quản lý đánh giá được hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời của doanh nghiệp, rộng hơn là các nhân tố, các nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lợi. Từ đó có các đánh giá tổng quát và biện pháp quản lý phù hợp.

» **Thứ tư**, mẫu biểu cũng như kết cấu, bố cục của các báo cáo tài chính tuy được qui định thống nhất nhưng các vấn đề trong phân tích báo cáo tài chính là rất phong phú, không theo nhất nhất một mô - tip chung giống như số lượng các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của riêng từng doanh nghiệp vậy. Điều đó đòi hỏi người phân tích phải linh hoạt. Khi phát hiện những vấn đề không bình thường trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp thì cần áp dụng các cách nắm bắt khác nhau để đảm bảo hiệu quả. Chẳng hạn, với doanh nghiệp thương mại thì cần chú trọng vào các chỉ tiêu giá vốn hàng bán trên bảng cân đối kế toán, so sánh với các chỉ tiêu có liên quan; tuy nhiên đối với đơn vị vận tải biển thì cần xem xét chỉ tiêu chi phí nhiên liệu và tiền lương, tiền công v.v... Với từng chỉ tiêu, việc phân tích tuyệt đối hay tương đối, so sánh tương quan lại phải được vận dụng linh hoạt và phù hợp.

(Xem tiếp trang 43)